

Số: **32** /2015/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày **06** tháng **10** năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định danh mục vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2007/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định danh mục vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định danh mục vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Điều 2. Nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

Nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 158/2007/NĐ-CP và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP.

Điều 3. Danh mục vị trí công tác định kỳ chuyển đổi

1. Về lĩnh vực nông nghiệp: Các vị trí công tác thực hiện việc thẩm định hồ sơ cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, văn bằng, chứng chỉ gồm:

a) Giấy phép, giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật (kể cả thủy sản);

b) Giấy phép nhập khẩu giống cây trồng không có tên trong danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam; bằng bảo hộ giống cây trồng; chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng; văn bản công nhận giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam;

c) Giấy phép nhập khẩu phân bón; giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với giống cây trồng và phân bón xuất khẩu; văn bản công nhận phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam;

d) Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật; giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật; giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật; giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật; giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật;

đ) Giấy phép, giấy chứng nhận trong lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, môi trường chăn nuôi;

e) Giấy phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, vắc xin vi sinh vật dùng trong thú y; giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y; giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y; giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y; chứng chỉ hành nghề thú y;

g) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (chứng thư); công nhận doanh nghiệp được phép xuất khẩu hàng hóa có nguồn gốc động vật vào Việt Nam thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Về lĩnh vực lâm nghiệp:

a) Các vị trí công tác thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ trong lĩnh vực lâm nghiệp gồm: Giấy phép khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ; giấy phép, chứng chỉ xuất khẩu, nhập khẩu mẫu vật động vật, thực vật hoang dã;

b) Các vị trí công tác trong lực lượng kiểm lâm gồm: Kiểm lâm đặc nhiệm; kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng; kiểm lâm tại các trạm cửa rừng; trạm Kiểm lâm các khu rừng phòng hộ, đặc dụng.

3. Về lĩnh vực thủy sản: Các vị trí công tác thực hiện việc thẩm định hồ sơ cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, chứng chỉ, chứng thư gồm:

a) Giấy phép khai thác thủy sản, hoạt động ở vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác;

b) Giấy phép nhập khẩu giống thủy sản, thức ăn thủy sản và sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản để khảo nghiệm, nghiên cứu, giới thiệu hội chợ triển lãm; văn bản thông báo chất lượng giống thủy sản nhập khẩu; văn bản

xác nhận thức ăn thủy sản; văn bản thông báo kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản nhập khẩu; văn bản công nhận thức ăn thủy sản; giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam; giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác; giấy chứng nhận thủy sản khai thác; giấy chứng nhận xuất xứ nhuyễn thể hai mảnh vỏ;

c) Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, bè cá; giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, bè cá;

d) Chứng chỉ về thuyền trưởng và máy trưởng tàu cá;

đ) Văn bản chỉ định các phòng kiểm nghiệm, thử nghiệm; công nhận cơ sở tham gia chương trình chứng nhận thủy sản xuất khẩu theo từng thị trường.

4. Về lĩnh vực thủy lợi: Các vị trí công tác thực hiện việc thẩm định hồ sơ cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép gồm:

a) Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.

Điều 4. Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác là 03 năm (đủ 36 tháng) đối với các vị trí công tác quy định tại Điều 3 Thông tư này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015. Bãi bỏ Quyết định số 3486/QĐ-BNN-TCCB ngày 05 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành danh mục các vị trí công tác trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn phải thực hiện định kỳ chuyển đổi.

2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức thuộc thẩm quyền sử dụng; tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TCCB.



Cao Đức Phát

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

Số: **248 /SY-UBND**

Nơi nhận:

- TT UBND tỉnh(Đ/c Chí);
- Sở Nội vụ;
- CVP;
- Lưu: VT, NLN.

SAO Y BẢN CHÍNH

Bắc Kạn, ngày 21 tháng 10 năm 2015

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Anh Tuấn
Nguyễn Anh Tuấn